



Văn phòng Công nhận Chất lượng/ *Bureau of Accreditation*

HỆ THỐNG CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN VIỆT NAM
VIETNAM CERTIFICATION ACCREDITATION SCHEME

--- VICAS ---

70 Tran Hung Dao, Hanoi; Tel: (+84 24) 37911555; Email: vpcongnhan@boa.gov.vn; [Http://www.boa.gov.vn](http://www.boa.gov.vn)

QUY ĐỊNH RIÊNG
CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CHỨNG NHẬN EnMS
SPECIFIC REQUIREMENTS FOR ACCREDITATION OF
CB OPERATING EnMS CERTIFICATION

Mã số/ *Code*: ARC.08

Lần ban hành/ *Issue number*: 5.24

Ngày ban hành/ *Issue date*: 05/12/2024

1. Mục đích

Tài liệu này nêu yêu cầu cụ thể cho việc công nhận tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng.

2. Tài liệu liên quan

Như mục 5.

3. Yêu cầu về khách hàng của tổ chức chứng nhận

Tổ chức chứng nhận (TCCN) phải hoàn thành quá trình chứng nhận cho ít nhất 01 khách hàng.

4. Yêu cầu về năng lực chuyên gia của TCCN

Chuyên gia đánh giá phải có trình độ đại học trở lên.

5. Chuẩn mực đánh giá công nhận

1. Purpose

This document sets up the specific requirements for accreditation of energy management systems certification bodies.

2. Reference

As per section 5 below.

3. Requirements regarding clients of certification body

The certification body (CB) shall complete the certification process for at least 01 client.

4. Requirements regarding competence of CB's auditor and technical experts

Auditors shall be at least university graduate.

5. Assessment criteria

Chuẩn mực công nhận/ <i>Accreditation criteria</i>	
ISO/IEC 17021-1	Đánh giá sự phù hợp – Yêu cầu cho tổ chức đánh giá và chứng nhận hệ thống quản lý/ <i>Conformity assessment – Requirements for bodies providing audit and certification of management systems.</i>
ISO 50003	Yêu cầu đối với tổ chức đánh giá, chứng nhận hệ thống quản lý năng lượng/ <i>Requirements for bodies providing audit and certification of energy management systems.</i>
IAF MD 1	Chứng nhận các tổ chức có nhiều địa điểm dựa trên việc chọn mẫu/ <i>Certification of Multiple Sites Based on Sampling.</i>
IAF MD 2	Chuyển giao chứng nhận Hệ thống quản lý được công nhận giữa các tổ chức chứng nhận/ <i>Transfer of Accredited Certification of Management Systems.</i>
IAF MD 4	Áp dụng công nghệ thông tin và truyền thông trong đánh giá/ <i>Use of Information and Communication Technology (ICT) for Auditing/Assessment Purposes.</i>
IAF MD 11	Áp dụng ISO/IEC 17021 trong đánh giá tích hợp hệ thống quản lý/ <i>Application of ISO/IEC 17021 for Audits of Integrated Management Systems.</i>
IAF MD 28	Công bố và cập nhật thông tin trên cơ sở dữ liệu của IAF/ <i>Upload and Maintenance of Data on IAF Database.</i>

Ghi chú/ *Note*: Nếu hoạt động của Tổ chức Chứng nhận có liên quan đến các IAF MD trên thì Tổ chức Chứng nhận phải áp dụng các IAF MD này/ *If the operation of CB relates to the above IAF MDs, these IAF MDs shall be applied.*

Chuẩn mực chứng nhận/ <i>Certification criteria</i>	
ISO 50001 (TCVN ISO 50001)	Hệ thống quản lý chất lượng – Các yêu cầu và hướng dẫn sử dụng / <i>Quality Management System – Requirements with guidance for use</i>

6. Yêu cầu về chứng kiến

Khi đánh giá chứng kiến, đoàn đánh giá công nhận cần phải có năng lực kỹ thuật

6. Requirements for witnessing

When carrying out the witness, the BoA assessment team shall have technical

competence.

6.1 Chứng kiến khi đánh giá công nhận lần đầu

Trong đánh giá công nhận lần đầu: Phải chứng kiến ít nhất một cuộc đánh giá bao gồm tất cả các yêu cầu của tiêu chuẩn.

6.3 Chứng kiến để duy trì công nhận

Trong một chu kỳ công nhận (từ khi được công nhận đến hết hiệu lực công nhận), cần phải chứng kiến ít nhất 01 cuộc đánh giá.

Trong một chu kỳ công nhận cần chứng kiến:

- Các chuyên gia đánh giá khác nhau;
- Các khách hàng khác nhau.

7. Xác định thời lượng đánh giá công nhận

6.1 Witnessing for initial assessment

In initial assessment: At least one audit covering all requirements of the standard shall be witnessed.

6.3 Witnessing for maintaining of accreditation

In the accreditation cycle (from accreditation granted until accreditation expired), at least one audit shall be witnessed.

In the accreditation cycle, it is necessary to witness:

- Different auditors;
- Different audited clients.

7. Determination of assessment duration

Hoạt động đánh giá/ <i>Assessment activities</i>	Thời lượng/ <i>Duration</i>
Xem xét tài liệu (đối với công nhận lần đầu, chuyển đổi tiêu chuẩn)/ <i>Document review (applicable for initial assessment, transition to new assessment standard)</i>	1 MD
Đánh giá tại văn phòng/ <i>Office assessment:</i>	
• Đối với đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Initial assessment</i>	3 MD
• Đối với đánh giá giám sát/ <i>Surveillance assessment</i>	1 MD
• Đối với đánh giá công nhận lại/ <i>Reaccreditation assessment</i>	2 MD
• Đối với đánh giá tại các địa điểm khác ngoài trụ sở chính của TCCN (nếu có)/ <i>Assessment at sites of CB other than the main site (if any)</i>	1 MD mỗi địa điểm/each site
• Giảm thời lượng đánh giá trong các trường hợp đánh giá kết hợp các hệ thống (giảm không quá)/ <i>Reduction of assessment duration in case of integrated assessment (reduction shall not exceed)</i>	30% tổng thời lượng đánh giá 30% of total assessment time
Đánh giá chứng kiến/ <i>Witnessing assessment</i>	Theo thời lượng cuộc đánh giá được chứng kiến <i>According to the duration of the audit witnessed</i>
Thẩm xét hồ sơ trong đánh giá công nhận lần đầu/ <i>Reviewing of initial assessment records</i>	1 MD
Thẩm xét hồ sơ khác/ <i>Reviewing of other assessment records</i>	0.5 MD

Ghi chú/ *Note*: MD (Manday) – ngày công đánh giá.